

Số: 06/KSLC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: LCM
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0214.383.0036 Fax:
- Email: khoangsanlaocai86@gmail.com
- Website: <https://khoangsanlaocai.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

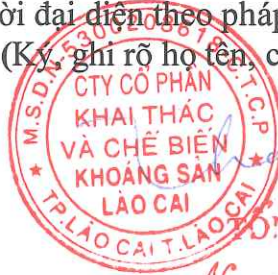
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://khoangsanlaocai.vn/>

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

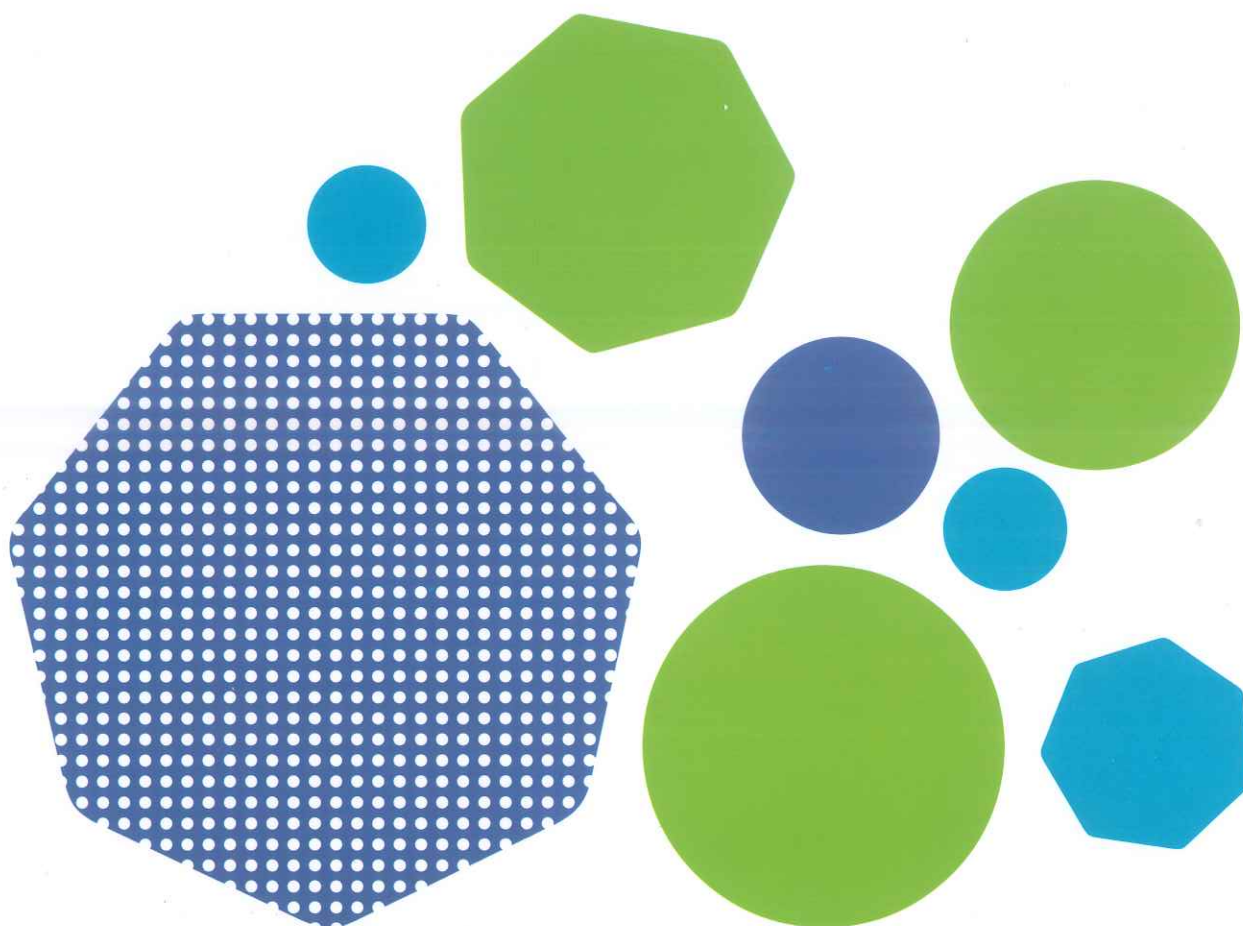
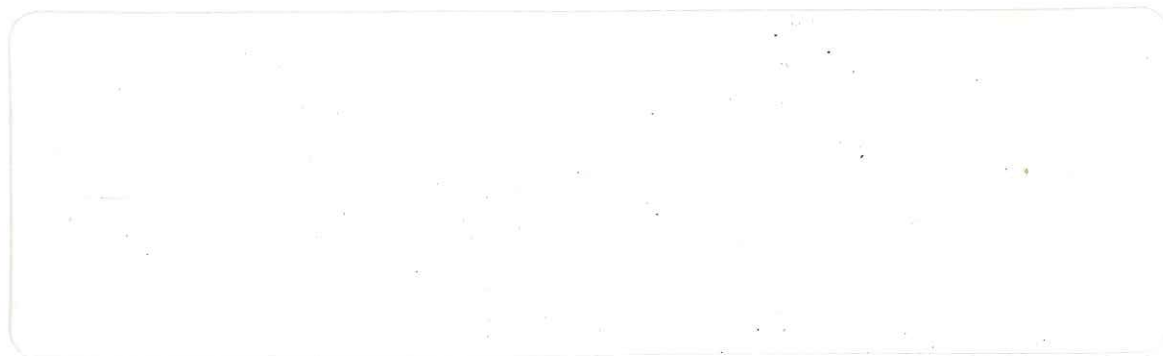
Tài liệu đính kèm:

- BCTC
- Văn bản giải trình



ĐỒNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Thịnh





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đức Thắng
Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận khoản tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 3.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên cũng như mục đích sử dụng cả các khoản tạm ứng này.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 40.500.000.000 VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng của Công ty hay không.

Chúng tôi chưa nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (Công ty liên kết của Công ty) với giá trị gốc khoản đầu tư này là 24.150.000.000 VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị thuần và giá trị dự phòng tổn thất khoản đầu tư (nếu có) cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần Gia Long – Hòa Bình (“Gia Long”) thì kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo này do tính chất lan tỏa của các yếu tố từ chối do các vấn đề “*Không đánh giá được giá trị thuần khoản Đầu tư Công ty liên kết với giá trị 23,8 tỷ VND, không đánh giá được khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay dài hạn với giá trị 14,6 tỷ VND; không thu thập được hồ sơ khoản tạm ứng với giá trị 32 tỷ đồng VND, và không đánh giá được giả định hoạt động liên tục*”. Tuy nhiên, trong năm Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào Gia Long với giá trị là 914 triệu VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng này, giá trị thuần của khoản đầu tư, trích lập dự phòng bổ sung do các yếu tố từ chối cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là 136.442.802.965 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 1.222.326.332 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Các yếu tố này, cùng với các vấn đề được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 2.4, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



ĐẶNG MINH ĐỨC - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

LAI TRƯỜNG DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.474.699.762	19.143.440.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	102.459.083	494.386.456
Tiền	111		102.459.083	494.386.456
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.201.987.305	18.455.643.109
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.814.755.771	3.360.882.771
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	492.679.428	492.679.428
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.207.434.876	17.914.963.680
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.312.882.770)	(3.312.882.770)
Tài sản ngắn hạn khác	150		170.253.374	193.410.768
Thuế GTGT được khấu trừ	152		170.253.374	193.410.768
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.049.243.010	104.134.570.019
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.500.000.000	26.500.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	40.500.000.000	26.500.000.000
Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		7.798.830.541	7.798.830.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.798.830.541)	(7.798.830.541)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	78.549.243.010	77.634.570.019
Đầu tư vào công ty con	251		171.000.000.000	171.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.150.000.000	24.150.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(116.600.756.990)	(117.515.429.981)
TỔNG TÀI SẢN	270		136.523.942.772	123.278.010.352

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.697.026.094	7.080.220.289
Nợ ngắn hạn	310		18.697.026.094	7.080.220.289
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	13.207.000.000	1.622.368.195
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	32.174.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	2.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.826.916.678	116.197.790.063
Vốn chủ sở hữu	410	15	117.826.916.678	116.197.790.063
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(136.442.802.965)	(138.071.929.580)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(138.071.929.580)	(141.367.312.890)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.629.126.615	3.295.383.310
TỔNG NGUỒN VỐN	440		136.523.942.772	123.278.010.352

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	13.036.016.667	26.157.176.478
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.036.016.667	26.157.176.478
Giá vốn hàng bán	11	17	12.588.000.000	25.849.702.449
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		448.016.667	307.474.029
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.234.532.661	1.642.533.927
Chi phí tài chính	22	19	(909.748.480)	(2.408.924.797)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	963.171.193	1.063.549.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.629.126.615	3.295.383.310
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.629.126.615	3.295.383.310
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.629.126.615	3.295.383.310

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.629.126.615	3.295.383.310
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		(914.672.991)	(2.414.556.309)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.234.532.661)	(1.642.533.927)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(520.079.037)	(761.706.926)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.431.945.902)	(3.478.307.204)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.616.805.805	1.580.701.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.664.780.866	(2.659.312.602)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.500.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.943.291.761	33.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.056.708.239)	500.033.927
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(391.927.373)	70.721.325
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	494.386.456	423.665.131
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	102.459.083	494.386.456

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT









Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 28B, Đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng kim loại quý hiếm và kinh doanh thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong vòng 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12 người).

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con; Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35 %	35 %	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là 136.442.802.965 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 1.222.326.332 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 45
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	98.506.932	492.223.584
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.952.151	2.162.872
Cộng	102.459.083	494.386.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	171.000.000.000 171.000.000.000	(116.580.022.244) (116.580.022.244)	171.000.000.000 171.000.000.000	(117.494.695.235) (117.494.695.235)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết + Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000 24.150.000.000	(20.734.746) (20.734.746)	24.150.000.000 24.150.000.000	(20.734.746) (20.734.746)
Cộng	195.150.000.000	(116.600.756.990)	195.150.000.000	(117.515.429.981)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2024. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.814.755.771	3.312.882.771	3.360.882.771	3.312.882.771
- Công ty Cổ phần Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.771	3.312.882.771	3.312.882.771	3.312.882.771
- Công ty CP KT và TMDV NN An Phát	2.472.333.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	9.981.540.000	-	-	-
- Khách hàng khác	48.000.000	-	48.000.000	-
Cộng	15.814.755.771	3.312.882.771	3.360.882.771	3.312.882.771

Phải thu khách hàng với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	492.679.428	-	492.679.428	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại	404.700.000	-	404.700.000	-
- Hà Nội	87.979.428	-	87.979.428	-
- Khách hàng khác	-	-	-	-
Cộng	492.679.428	-	492.679.428	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn	40.500.000.000	-	26.500.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào	-	-	9.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyền	-	-	5.500.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hương	-	-	7.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Thịnh (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Tiến Đạt (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Thọ Tiên (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương (*)	8.000.000.000	-	-	-
- Bà Hồ Thị Bích Ly (*)	5.500.000.000	-	-	-
- Bà Trịnh Thị Ngọc Châu (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Bà Trương Thị Thúy Hà (*)	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	40.500.000.000	-	26.500.000.000	-

(*) Phải thu về cho vay các cá nhân với lãi suất 3%/ năm, thời hạn cho vay 24 tháng, không có tài sản đảm bảo, cho vay bằng tiền mặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.207.434.876	-	17.914.963.680	-
- Tạm ứng	3.500.000.000	-	8.500.000.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	633.863.011	-	9.342.611.111	-
- Phải thu khác	73.571.865	-	72.352.569	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.207.434.876	-	17.914.963.680	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	4.225.532.029	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.542
31/12/2024	4.225.532.029	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.542
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(4.225.532.029)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.542)
31/12/2024	(4.225.532.029)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.542)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	-	-	-	-
31/12/2024	-	-	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 7.798.830.542 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	13.207.000.000	13.207.000.000	1.622.368.195	1.622.368.195
- Hợp tác xã Tơ Tầm Sơn Lương	12.100.000.000	12.100.000.000	664.592.366	664.592.366
- Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	988.000.000	988.000.000	849.775.829	849.775.829
- Khác hàng khác	119.000.000	119.000.000	108.000.000	108.000.000
Cộng	13.207.000.000	13.207.000.000	1.622.368.195	1.622.368.195

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Việt Nam (*)						
Cộng	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
- Chi phí kiểm toán	404.700.000	404.700.000
- Các khoản phải trả khác	26.845.116	26.845.116
Cộng	431.545.116	431.545.116

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	32.174.000	-
- Bảo hiểm xã hội	32.174.000	-
Cộng	32.174.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(141.367.312.890)		112.902.406.753
- Lãi năm trước	-		-	-		-	3.295.383.310		3.295.383.310
31/12/2023	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(138.071.929.580)		116.197.790.063
01/01/2024	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(138.071.929.580)		116.197.790.063
- Lãi trong năm	-		-	-		-	1.629.126.615		1.629.126.615
31/12/2024	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(136.442.802.965)		117.826.916.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	246.330.000	246.330.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu phổ thông	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ Cổ phiếu phổ thông	191	191
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15.4 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	13.036.016.667	26.157.176.478
- Doanh thu bán hàng	1.118.000.000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.918.016.667	26.157.176.478
Cộng	13.036.016.667	26.157.176.478

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	988.000.000	-
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	11.600.000.000	25.849.702.449
Cộng	12.588.000.000	25.849.702.449

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.234.532.661	1.642.533.927
Cộng	1.234.532.661	1.642.533.927

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(914.672.991)	(2.414.556.309)
- Chi phí tài chính khác	4.924.511	5.631.512
Cộng	(909.748.480)	(2.408.924.797)

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	963.171.193	1.063.549.443
- Chi phí nhân viên quản lý	756.240.000	719.002.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.050.256	325.238.356
- Chi phí bằng tiền khác	39.880.937	16.309.087
Cộng	963.171.193	1.063.549.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân công	756.240.000	719.002.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.764.050.256	26.174.940.805
- Chi phí bằng tiền khác	42.880.937	19.309.087
Cộng	12.563.171.193	26.913.251.892

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.629.126.615	3.295.383.310
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	(1.629.126.615)	(3.295.383.310)
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.629.126.615)	(3.295.383.310)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. THÔNG TIN KHÁC

23.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có giao dịch với bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Công ty con		
<i>Số dư với các bên liên quan</i>			
Bên liên quan	Nội dung	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Phải thu khách hàng	3.312.882.771	3.312.882.771

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Thắng	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Quốc Tùng	60.000.000	60.000.000
Cộng	156.000.000	156.000.000

23.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được kiểm toán.

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



